

Bản án số: 193/2022/HSST

Ngày: 06 - 12 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Ngọc Thanh

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 127/2022/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

T; sinh năm: 1988, tại: A; trú tại: Ấp Phú H, xã Phú H, huyện A, tỉnh A (đã xóa khẩu); chỗ ở: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969; và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; nhân thân: Ngày 06/10/2005 bị Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào Trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng, chấp hành xong ngày 10/7/2007; ngày 05/9/2009 bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010; ngày 04/4/2011 bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2014; ngày 09/6/2016 bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/9/2019; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 30/3/2020 bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, chấp hành xong vào ngày 30/6/2021; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/6/2022; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trần Văn P, sinh năm 1968; trú tại: 42/33/12 đường số 5, khu phố 6, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 03/6/2022, T đang đi bộ thì T gặp đối tượng thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Người thanh niên này rủ T đi cướp giật tài sản. T đồng ý. Đối tượng điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave RSX, biển số 51N2-1005, chở T lưu thông qua nhiều tuyến đường để tìm tài sản. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, khi cả hai đi đến đường Cây K, phường H, quận T, thì người thanh niên ra hiệu cho T thấy anh Trần Văn P đang ngồi trên xe gắn máy đứng trước số 13 Cây K, phường H, quận T, tay phải anh P đang cầm điện thoại di động hiệu REALME 6 Pro màu đen hồng, nên người thanh niên quay đầu xe chạy ngược chiều đường Cây K áp sát bên phải anh P để T dùng tay trái giật điện thoại di động của anh P, rồi thanh niên chở T tăng ga bỏ chạy. Anh P tri hô và đuổi theo đến trước số 81 Hoàng T thì anh P đuổi kịp và tông thẳng xe vào xe của T khiến T và người thanh niên ngã xuống đường. T quăng chiếc điện thoại lại, người thanh niên cầm lái dựng xe lên tiếp tục chở T tẩu thoát. Cả hai chạy được một đoạn đến trước số 68 Trần Văn G, phường Hiệp T, quận T, thì bị người dân đạp ngã xe. Người thanh niên bỏ xe chạy bộ thoát, còn T bị người dân bắt giữ giao Công an phường Hiệp T xử lý.

Theo kết luận định giá tài sản số 1079/KL-HĐĐGTS ngày 11/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận T kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu REALME 6 Pro màu đen hồng, thời điểm ngày 03/6/2022, trị giá 3.400.000 đồng.

Vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu REALME 6 Pro màu đen hồng.
- 01 (một) xe máy honda Wave RSX, biển số 51N2-1005 màu xanh đen, số máy: JC43E5976240, số khung: RLHJC432XBY067192 đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu xanh dương, số Imel 862892052527352.
- 01 đôi dép màu đen, 01 (một) áo thun trắng tay ngắn đã qua sử dụng, 01 (một) quần lửng màu đen đã qua sử dụng, 01 (một) nón bảo hiểm màu đen có chữ AXE, là trang phục T mặc khi phạm tội.
- 02 đĩa DVD ghi lại hình ảnh camera nội dung liên quan đến vụ cướp giật và 01 đĩa ghi âm ghi hình lời khai của bị can Nguyễn Thanh T (Lưu kèm hồ sơ vụ án).

Tại bản cáo trạng số 123/CT-VKSQ.TP ngày 25 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố bị T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Sau khi kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm về tội danh và điều khoản mà cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo T từ 05 năm đến 06 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phân trách nhiệm dân sự và vật chứng.

- Bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án được tóm tắt như trên, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 03/6/2022, tại trước nhà số 13 đường Cây K, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, T ngồi sau xe gắn máy biển số 51N2 – 1005 do đối tượng (không rõ lai lịch) điều khiển cướp giật 01 điện thoại di động hiệu REALME 6 Pro trị giá 3.400.000 đồng của ông Trần Văn P thì bị ông P tri hô đuổi theo đến trước số 68 đường T, phường H, quận T thì bị ông P cùng nhân dân bắt giữ giao công an xử lý. Riêng đối tượng thanh niên điều khiển xe bỏ xe chạy bộ tẩu thoát.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo T phạm tội “Cướp giật tài sản”, như bản cáo trạng đã truy tố. Do bị cáo sử dụng xe gắn máy công khai, chiếm đoạt tài sản có giá trị là 3.400.000 đồng và nhanh chóng tẩu thoát là thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm nên Viện kiểm sát nhân dân quận T truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa

phương. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo và liều lĩnh, ngay trên đường phố có đông người qua lại, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, vào ngày 06/10/2005 bị Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào Trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng; ngày 05/9/2009 bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; ngày 04/4/2011 bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; ngày 09/6/2016 bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; ngày 30/3/2020 bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, đây là tình tiết cần lưu ý, xem xét khi lượng hình.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm khắc, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, cũng xem xét bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu REALME 6 Pro, đã thu hồi trả cho bị hại là ông Trần Văn P, ông P không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần trách nhiệm dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu REALME 6 Pro màu đen hồng. Cơ quan Công an quận T đã trả cho bị hại Trần Văn P nên Hội đồng xét xử không xử lý.

- 01 xe máy honda Wave RSX, biển số 51N2 - 1005 màu xanh đen, số máy: JC43E5976240, số khung: RLHJC432XBY067192 đã qua sử dụng. Theo kết luận của Phòng PC09 Công an TP.Hồ Chí Minh thì xe máy trên không thay đổi số khung số máy. Qua xác minh tại Đội Cảnh Sát Giao Thông Công an quận T số máy JC45976240, số khung RLHJC432XBY067192 không tìm thấy dữ liệu tra cứu, xe không rõ nguồn gốc và các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Riêng biển số 51N2 - 1005, qua xác minh có số máy TJL1P52FMH4003012, số khung: RRKWCHCUM5X003012, do ông Phan Thanh L đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc với ông Long cho biết chiếc xe máy hiệu Wave màu đỏ biển số 51N2 - 1005 ông L mua vào năm 2006, sau đó ông L cho em họ tên Nguyễn Tuấn V mượn để sử dụng và bị mất trộm. Hiện Việt ở đâu

ông L không rõ. Ông L không có yêu cầu nhận lại biển số 51N2-1005 nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu xanh dương, là tài riêng của T nên trả cho bị cáo T theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 đôi dép màu đen, 01 áo thun trắng tay ngắn, 01 quần lửng màu đen đã qua sử dụng, 01 nón bảo hiểm màu đen có chữ AXE, là trang phục T mặc khi phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 02 đĩa DVD ghi lại hình ảnh camera nội dung liên quan đến vụ cướp giật và 01 đĩa ghi âm ghi hình lời khai của bị can Nguyễn Thanh T hiện lưu kèm hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xử lý.

Đối với đối tượng điều khiển xe chở T thực hiện hành vi phạm tội, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

[8] Án phí: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 6 năm 2022.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe máy honda Wave RSX, màu xanh đen, số máy: JC43E5976240, số khung: RLHJC432XBY067192.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển số 51N2 – 1005; 01 (một) đôi dép màu đen, 01 (một) áo thun trắng tay ngắn, 01 (một) quần lửng màu đen đã qua sử dụng, 01 (một) nón bảo hiểm màu đen có chữ AXE.

- Trả cho bị cáo T 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu xanh dương, số Imel 862892052527352.

(Vật chứng hiện đang nhập kho theo Phiếu nhập kho vật chứng số 69/PNK ngày 20/7/2022 của Công an quận T).

[4] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKS Q.T;
- THA quận T;
- Công an Q.T;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Lưu: hồ sơ.

Lê Viết Hoàng Lâm